PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /QĐ- THĐ.CK

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố chế độ chính sách của học sinh học kỳ I NH 2022- 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN HƯNG ĐẠO

Căn cứ Thông tư số 32/020/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành điều lệ trường THCS, trường THPT và trường THPT nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/TT/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 36/TT/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Trường THCS Trần Hưng Đạo;

Xét đề nghị của của bộ kế toán Trường THCS Trần Hưng Đạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai công bố chế độ chính sách của học sinh học kỳ I NH 2022- 2023 của Trường THCS Trần Hưng Đạo (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận hành chính quản trị, bộ phận kế toán và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này ./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT;
- BP HC-QT, KT;
- Lưu :VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN HƯNG ĐẠO

Lê Thanh Hải

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUY NHƠN
TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO

DANH SÁCH CẤP BÙ HỌC PHÍ KHỐI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022- 2023

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Mức thu học phí	Số tháng miễn, giảm	Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021				Tổng kinh phí miễn giảm học phí được cấp bù học phí (theo NĐ 81/2021/NĐ-CP)	Ghi chú
						Đối tượng miễn *((ghi rõ đối tượng)*	Đối tượng giảm 50% *(ghi rõ đối tượng)*	Số tiền miễn học phí	Số tiền giảm học phí 50%		
1	Nguyễn Huỳnh Phương Anh	2010	7A4	145.000	4	Khuyết tật		580.000		580.000	QĐ số 5063/QĐ-UBNDvề việc trợ cấp xã hội
2	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	2010	7A5	145.000	4	Hộ nghèo		580.000		580.000	Hộ nghèo số 173/GCN-HN.HCN
3	Nguyễn Đoàn Bảo Huy	2008	8A3	145.000	4	Khuyết tật		580.000		580.000	Giấy xác nhận khuyết tật số 21561000071
4	Phan Thị Thanh Thúy	2009	8A5	145.000	4	Hộ nghèo		580.000		580.000	Hộ nghèo số 15/GCN-HN.HCN
5	Nguyễn Lê Yến Nhi	2008	9A2	145.000	4	Khuyết tật		580.000		580.000	QĐ số 3975/QĐ-UBNDvề việc trợ cấp xã hội
6	Võ Ngọc Khánh Linh	2008	9A6	145.000	4	Hộ nghèo		580.000		580.000	64/GCN-HN.HCN
7	Trần Trí Toàn	2010	7A5	145.000	4	Con TB		580.000		580.000	Giấy chứng nhận thương binh
8	Lê Bích Hữu	2011	6A5	145.000	4		TNLĐ		290.000	290.000	QĐ số 17/QĐ-BHXH về hưởng trợ cấp TNLĐ
9	Nguyễn Đình Thành	2011	6A5	145.000	4		Hộ cận nghèo		290.000	290.000	Giấy CN Hộ cận nghèo số...../ GCN-HN.HCN
10	Hồ Đăng Khoa	2010	7A2	145.000	4		Hộ cận nghèo		290.000	290.000	129/GCN-HN.HCN
11	Hồ Đinh Phi Long	2010	7A3	145.000	4		TNLĐ		290.000	290.000	QĐ số 06/QĐ-BHXH về hưởng trợ cấp TNLĐ
12	Hồ Đinh Phước Long	2010	7A3	145.000	4		TNLĐ		290.000	290.000	QĐ số 06/QĐ-BHXH về hưởng trợ cấp TNLĐ
13	Nguyễn Hưng	2009	8A5	145.000	4		Hộ cận nghèo		290.000	290.000	HCN số 03/GCN- HN.HCN
14	Huỳnh Phi Hoàng	2009	8A6	145.000	4		Hộ cận nghèo		290.000	290.000	15/GCN.-HN.HCN
15	Hoàng Tố Trinh	2008	9A4	145.000	4		Hộ cận nghèo		290.000	290.000	HCN số 02/GCN- HN.HCN
16	Nguyễn Diệp Nhất	2008	9A5	145.000	4		TNLĐ		290.000	290.000	QĐ số 10/QĐ-BHXH về hưởng trợ cấp TNLĐ
17	Nguyễn Hoàng Hạnh Dung	2010	7A5	145.000	4		Hộ cận nghèo		290.000	290.000	Giấy chứng nhận 04/GCN.-HN.HCN
	Tổng cộng:							**4.060.000**	**2.900.000**	**6.960.000**	

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Kế toán

Kiều Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN HƯNG ĐẠO

Lê Thanh Hải

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUY NHƠN

TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ CHI HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP

HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022-2023

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Họ và tên cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng	Địa chỉ	Đối tượng	Số tháng	Mức hỗ trợ đồng/ tháng	Số tiền hỗ trợ	Ghi chú (Ghi rõ số QĐ, ngày QĐ của UBND cấp xã hội hoặc số sổ hộ nghè
1	Nguyễn Huỳnh Phương Anh	2010	7A4	Nguyễn Văn Nên	Tổ 21, khu vực 5, Phường Hải cảng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Khuyết tật	4	150.000	600.000	QĐ 5063/QĐ-UBND ngày 15/7/20
2	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	2010	7A5	Đỗ Thị Như Nguyệt	Tổ 7, khu vực 2, Phường Trần Hưng Đạo	Hộ nghèo	4	150.000	600.000	GCN số 173/GCN-HN.HCN
3	Nguyễn Đoàn Bảo Huy	2008	8A3	Nguyễn Mạnh Tuấn	Tổ 52, khu vực 10, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định	Khuyết tật	4	150.000	600.000	Giấy xác nhận khuyết tật số 215610
4	Phan Thị Thanh Thúy	2009	8A5	Phạm Thị Mỹ Dung	Tổ 3, Phường Tây Sơn, Thị Xã An Khê, Tỉnh Gia Lai	Hộ nghèo	4	150.000	600.000	GCN số 15/GCN-HN.HCN
5	Nguyễn Lê Yến Nhi	2008	9A2	Lê Thị Kim Cúc	Tổ 34, Khu vực 8 Phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Khuyết tật	4	150.000	600.000	QĐ số 3975/QĐ-UBND ngày 16/6/2022
6	Võ Ngọc Khánh Linh	2008	9A6	Vũ Thị Phương	Tổ 8, Khu vực 2 Phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Hộ nghèo	4	150.000	600.000	GCN số64/GCN-HN.HCN
	Tổng cộng								**3.600.000**	

Ngày 15 tháng 9 năm 2022

Người lập

Kiều Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN HƯNG ĐẠO

Lê Thanh Hải

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUY NHƠN
TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO

DANH SÁCH CHI TIỀN HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ MUA SẮM PHƯƠNG TIỆN, ĐỒ DÙNG HỌC TẬP CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013)

HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022- 2023

Đơn vị tính : đồng

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Họ và tên cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng	Địa chỉ	Đối tượng	Mức học bổng được cấp (đồng/người/tháng)	Số tháng được hưởng	Số tiền học bổng được cấp	Số tiền hỗ trợ để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập (1.000.000đồng/năm học)	Tổng số tiền nhận được	Ký nhận	Ghi chú (Ghi rõ số ngày QĐ ch nhận khuyế số số hộ ng hộ cận ngh
						1=80%*mức lương tối thiểu	2	3=1*2	4	5=3+4		
1	Không có											
2												
3												
	Cộng											

Ngày 15 tháng 9 năm 2022

Người lập

Kiều Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN HƯNG ĐẠO

Lê Thanh Hải

Mức học bổng được cấp mỗi tháng : 80% mức lương cơ sở theo quy định, được cấp 9 tháng/năm học

Mức hỗ trợ để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập : 1.000.000 đồng/người/năm học

Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập mà thuộc diện hưởng hỗ trợ chi phí học tập thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

Hồ sơ bao gồm:

+ Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng);

+ Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng).